TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 83/2019/QĐST-HNGĐ	

K, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp V, xã Quách Phẩm B, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp L, xã B, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị N và anh Trần Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Mai Thị N và anh Trần Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có con chung. Mặc dù anh Trần Văn V đứng tên trong giấy khai sinh với tư cách là cha của cháu Trần Hạo T, sinh ngày 25/8/2013 nhưng chị Mai Thị N và anh Trần Văn V đều thừa nhận cháu Trần Hạo T là con riêng của chị N, không phải là con ruột của anh V, anh V cũng không có quan hệ nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, giao cháu Trần Hạo T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N có trách

nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy khai sinh của cháu T theo đúng quy định.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004357 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- CC THA DS huyện K;
- UBND xã Quách B, huyện D, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Diễm